

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2021/HSST
Ngày: 20/10/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Triệu

2/ Bà Trần Thị Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiên Thị Minh Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Liệt - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2021/HSST ngày 24 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-HS ngày 02/7/2021 đối với các bị cáo:

1/ **Nguyễn Thị Mỹ Th** (tên gọi khác: T), sinh năm 1981; Nơi cư trú: ấp Đa C, xã Hòa Th, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: nữ; nghề nghiệp: nội trợ; Trình độ học vấn: 4/12; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1949 và bà Ngô Thị L, sinh năm 1949; có chồng là Nguyễn Trọng B, sinh năm 1967; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ **An Thúy A** (Tên gọi khác: Út C), sinh năm 1973; Nơi cư trú: ấp Đầu B, xã Hòa Th, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: nữ; nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 01/12; con ông An Văn Ch, sinh năm 1935 (chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1936; chưa có chồng con; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: ngày 18/9/2014 có hành vi đánh bạc bị Công an huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xử phạt 1.500.000đ theo quyết định số 242 ngày 23/9/2014, ngày 18/8/2016 có

hành vi đánh bạc bị công an huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xử phạt 1.500.000đ theo Quyết định số 400 ngày 25/8/2016; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3/ **Đồng Thị N** (Tên gọi khác: Mươi), sinh năm 1955; Nơi cư trú: ấp Ngãi H, xã Hưng M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: phật; Giới tính: nữ; nghề nghiệp: nội trợ; Trình độ học vấn: không biết chữ; con ông Đồng Văn Gi, (chết) và bà Trần Thị Đ, (chết); có chồng là Hà Ngọc Th, sinh năm 1954; Có 05 người con, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4/ **Lê Thị L (tên gọi khác: Ba L)**, sinh năm 1958; Nơi cư trú: ấp Bà Tr, xã Hưng M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nữ; nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; con ông Lê Văn Đ, (chết) và bà Lê Thị K, (chết); có chồng là Phan Văn L, sinh năm 1953 (chết); Có 04 người con, (Lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1985); Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa

5/ **Phạm Thị Huỳnh Nh**, sinh ngày 29 tháng 5 năm 1998; Nơi cư trú: ấp Chăng M, xã Hòa L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: **không**; Giới tính: Nữ; nghề nghiệp: mua bán; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn Tr, sinh năm 1969 và bà Mai Thu H, sinh năm 1975; chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa

6/ **Trần Thị Ngọc A**, sinh năm 1957; Nơi cư trú: ấp Tr, xã Hòa L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; nghề nghiệp: mua bán; Trình độ học vấn: 02/12; con ông Trần Văn Kh, sinh năm 1910 (chết) và bà Thạch Thị T, sinh năm 1911 (chết); có chồng là Nguyễn Văn K, sinh năm 1964; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: bị Công an huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xử phạt 7.500.000đ về hành vi vận chuyển hàng cấm theo quyết định số 06 ngày 17/3/2011, bị công an thành phố Trà Vinh xử phạt 750.000đ về lĩnh vực hành hóa cấm kinh doanh theo quyết định số 18

ngày 16/3/2012; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7/ **Nguyễn Thị Mỹ Ph**, sinh năm 1974; Nơi cư trú: ấp Đầu B, xã Hòa Th, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: nội trợ; Trình độ học vấn: 01/12; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1949 và bà Ngô Thị L, sinh năm 1949; có chồng là Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1972 (đã ly hôn), có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8/ **Sơn Thị S**, sinh năm 1958; Nơi cư trú: ấp Sa B, xã Long Đ, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: phật; Giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 10/12; con ông Sơn D (chết) và bà Kiên Thị S (chết); **có chồng Phan Đình Quang Tr, sinh năm 1949**, có 01 người con, sinh năm 1986; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9/ **Lương Thị H**, sinh ngày 05 tháng 11 năm 1970; Nơi cư trú: ấp Bích Tr, xã Hòa Th, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: không biết chữ; con ông Dương Văn L (chết) và bà Lương Thị L (chết); có chồng tên Lâm Tuấn V, sinh năm 1981, chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10/ **Nguyễn Thị Bé Ch**, sinh năm 1977; **Nơi** cư trú: ấp Kinh L, xã Long Đ, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1952 và bà Lê Thị Ng, sinh năm 1957; có chồng tên Lâm Văn T (chết), có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

11/ **Kim Thị Th**, sinh năm 1979; Nơi cư trú: ấp Bích Tr, xã Hòa Th, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Phật; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 6/12; con ông Kim Th, sinh năm 1950 và bà Kiên Thị Sa R, sinh năm 1950; có chồng tên Thạch Sa L, sinh năm 1970, có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất

sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Ngày 29/9/2017 bị Công an huyện Châu Thành xử phạt 1.500.000đ về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 418; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

12/ **Trương Văn H**, sinh năm 1970; Nơi cư trú: khóm Z, phường ZZ, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 4/12; con ông Trương Văn C (chết) và bà Trương Thị Ng, sinh năm 1933; có vợ là Lâm Thị D, sinh năm 1961, chưa có con; Tiền án: tiền sự: Không có; Nhân thân: Ngày 30/5/1988 bị bắt về hành vi trộm cắp tài sản, ngày 25/8/2016 bị Công an huyện Châu Thành xử phạt 1.500.000đ về hành vi đánh bạc theo quyết định số 396; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn H là ông Phạm Thanh Ph là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Trà Vinh. (có mặt).

13/ **Đào Thanh Nh**, sinh năm 1978; Nơi cư trú: ấp Tr, xã Hòa L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; con ông Đào Duy Ph, sinh năm 1952 (chết) và bà Đoàn Thị L, sinh năm 1957 (chết); có vợ là Thạch Ngọc Diễm Th, sinh năm 1976, có 06 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án: 1/ Ngày 11/7/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xử phạt 01 năm 06 tháng tù và phạt bổ sung 5.000.000đ, 2/ ngày 03/01/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xử phạt 02 năm tù về tội đánh bạc, 3/ Ngày 04/02/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xử phạt 03 năm tù về tội đánh bạc, 4/ Ngày 27/4/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xử phạt 09 tháng tù về tội đánh bạc; tiền sự: Không có; Nhân thân: không tốt, ngày 01/9/2009 bị Công an huyện Châu Thành xử phạt 1.500.000đ về hành vi đánh bạc; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

14/ **Nguyễn Thái Ph**, sinh năm 1988; Nơi cư trú: ấp Đa H, xã Phước H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: làm vườn; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Trọng Ph, sinh năm 1952 và bà Tô Thị Y, sinh năm 1959; có vợ là Kim Thị C, sinh năm 1990, có 01 người con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

15/ **Nguyễn Thanh Ph**, sinh ngày 20 tháng 02 năm 1965; Nơi cư trú: khóm 00, phường ZX, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: làm hồ; Trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Thanh T (chết) và bà Phạm Thị H, sinh năm 1941; có vợ là Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1977, có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Kim Thanh T, sinh năm 1974; Nơi cư trú: ấp Bích Tr, xã Hòa Th, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; (vắng mặt)

2/ Bà Đoàn Thị Ngọc Ng, sinh năm 1977; Nơi cư trú: ấp Tr, xã Hòa L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; (có mặt)

3/ Ông Phạm Văn L, sinh năm 1975; Nơi cư trú: ấp Kỳ L, xã Hòa Th, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; (có mặt)

Người phiên dịch: Ông Nhan S, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Phú Nh, xã Mỹ Ch, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 26/01/2021, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, có một số đối tượng tụ tập đánh bạc ăn thua bằng tiền tại khu vực đất trống thuộc ấp Bích Trì, xã Hòa Th, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh kết hợp Công an xã Hòa Th bố trí lực lượng tiến hành kiểm tra địa điểm phát hiện một số đối tượng đang đánh bài ăn thua bằng tiền nên đã lập biên bản đối với những người có mặt tại hiện trường. Tại Cơ quan điều tra các đối tượng khai nhận:

Việc chơi bài bắt đầu vào khoảng 11 giờ, ngày 26/01/2021, sau đó có một số người vào tham gia nhưng không biết ai vào trước, ai vào sau. Những người tham gia đánh bài ăn thua bằng tiền gồm: Trần Thị Ngọc A, Kim Thị Th, Nguyễn Thái Ph, Sơn Thị S, Nguyễn Thanh Ph, Đồng Thị N, Lương Thị H, Nguyễn Thị Mỹ Ph, Nguyễn Thị Bé Ch, Nguyễn Thị Mỹ Th, Đào Thanh Nh, Lê Thị L, Phạm Thị Huỳnh Nh, An Thúy A, Trương Văn H cùng tham gia đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài Ấn độ 06 lá, ăn thua bằng tiền, gồm 04 tụ, trong đó 01 tụ cái và 03 tụ đặt ăn thua bằng tiền với tụ làm cái. Trước khi bị Công an bắt, bị cáo Thanh là người làm cái ăn thua với ba tụ còn lại gồm: bị áo Nh một tụ, Nh và Ph ké tụ của Như; H, Thúy A và Phong một tụ; L và N một

tụ, những người còn lại Trần Thị Ngọc A, Kim Thị Th, Sơn Thị S, Nguyễn Thị Mỹ Ph, Nguyễn Thị Bé Ch, Trương Văn H thì ở bên ngoài kè. Số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc như sau Trần Thị Ngọc A đem theo 170.000 đồng, Kim Thị Th đem theo 450.000 đồng, Sơn Thị S đem theo 100.000 đồng, Nguyễn Thị Mỹ Ph đem theo 1.870.000 đồng, Nguyễn Thị Mỹ Th đem theo 350.000 đồng, Đào Thanh Nh đem theo 150.000 đồng, An Thúy A đem theo 200.000 đồng và các bị cáo sử dụng hết số tiền đem theo để đánh bạc; Trương Văn H đem theo 220.000 đồng, sử dụng hết vào việc đánh bạc; Nguyễn Thái Ph đem theo khoảng 6.000.000 đồng, sử dụng đánh bạc số tiền 300.000 đồng; Nguyễn Thanh Ph đem theo 4.400.000 đồng, sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc; Đồng Thị N đem theo 190.000 đồng, sử dụng 100.000 đồng đánh bạc; Lương Thị H đem theo 2.400.000 đồng, sử dụng đánh bạc 400.000 đồng; Nguyễn Thị Bé Ch đem theo 8.130.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc; Lê Thị L đem theo khoảng 400.000 đồng – 500.000 đồng, sử dụng 50.000 đồng để đánh bạc; Phạm Thị Huỳnh Nh đem theo 2.100.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền dùng vào mục đích đánh bạc của các bị cáo là **8.060.000** đồng.

Các đối tượng Phạm Văn L, Nguyễn Minh T, Đoàn Thị Ngọc Ng, Nguyễn Hữu L, Võ Ngọc Nh, Kim Thanh T, Thạch Sa L có mặt tại điểm đánh bạc, nhưng không tham gia chơi.

Vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ các vật chứng sau:

Tang vật tạm giữ trên chiếu bạc gồm 02 bộ bài tây 52 lá (01 bộ chưa qua sử dụng, 01 bộ đã sử dụng).

Tạm giữ trên người:

Lương Thị H: 2.110.000 đồng.

Nguyễn Thái Ph: 5.725.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh.

Nguyễn Thị Mỹ Th: 180.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung, cảm ứng.

Nguyễn Thanh Ph: 3.900.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu OPPO.

Kim Thị Th: 510.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu trắng.

Trương Văn H: 24.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia.

Đồng Thị N: 130.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung, cảm ứng.

Trần Thị Ngọc A: 150.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia.

Nguyễn Thị Mỹ Ph: 1.890.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia.

Nguyễn Thị Bé Ch: 8.130.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Coolpad.

Nguyễn Minh T: 260.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu trắng.

Kim Thanh T: 300.000 đồng.

Phạm Văn L: 6.350.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Vivo.

Võ Ngọc Nh: 420.000 đồng

Đoàn Thị Ngọc Ng: 1.250.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia.

Tạm giữ xung quanh hiện trường 07 xe mô tô các loại, có biển kiểm soát: 84K1-289.24, 64E1-268.83, 84B1-407.30, 47L9-3925, 60V3-8468, 84B1-667.26, 84D1-099.20.

Kiểm tra bên trong cốp xe mô tô biển số 60V3-8468: 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thanh Ph; trong cốp xe mô tô biển số 84B1-407.30: 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Mỹ Th.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định các tài sản thu giữ không liên quan đến vụ án nên đã trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp.

Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKS.HS ngày 23/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đã truy tố các bị cáo Trần Thị Ngọc A, Kim Thị Th, Nguyễn Thái Ph, Sơn Thị S, Nguyễn Thanh Ph, Đồng Thị N, Lương Thị H, Nguyễn Thị Mỹ Ph, Nguyễn Thị Bé Ch, Nguyễn Thị Mỹ Th, Đào Thanh Nh, Lê Thị L, Phạm Thị Huỳnh Nh, An Thúy A, Trương Văn H về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, tất cả các bị cáo thừa nhận từ khoảng 11 giờ đến 13 giờ 30 phút, ngày 26/01/2021, khi các bị cáo đang đánh bài loại bài Ấn Độ 6 lá ăn thua bằng tiền với nhau thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành bắt quả tang tại khu vực đất trống sau nhà của bà Sáu Duyên thuộc ấp Bích Trì, xã Hòa Th, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh là có thật. Tất cả các bị cáo thừa nhận nội dung của Cáo trạng là đúng, các bị cáo không khiếu nại gì về nội dung bản Cáo trạng, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của các bị cáo đúng như các lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người làm chứng, vật chứng thu được, phù hợp với kết quả điều tra. Các bị cáo là người đã thành niên, biết rõ đánh bạc ăn thua bằng tiền là bị

pháp luật cấm, nhưng các bị vẫn thực hiện các hành vi nêu trên với tổng số tiền đánh bạc 8.060.000 đồng. Nền hành vi của các bị cáo Trần Thị Ngọc A, Kim Thị Th, Nguyễn Thái Ph, Sơn Thị S, Nguyễn Thanh Ph, Đồng Thị N, Lương Thị H, Nguyễn Thị Mỹ Ph, Nguyễn Thị Bé Ch, Nguyễn Thị Mỹ Th, Đào Thanh Nh, Lê Thị L, Phạm Thị Huỳnh Nh, An Thúy A, Trương Văn H đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Kiểm sát viên đã phân tích đánh giá các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất của vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Ngọc A, Kim Thị Th, Nguyễn Thái Ph, Sơn Thị S, Nguyễn Thanh Ph, Đồng Thị N, Lương Thị H, Nguyễn Thị Mỹ Ph, Nguyễn Thị Bé Ch, Nguyễn Thị Mỹ Th, Đào Thanh Nh, Lê Thị L, Phạm Thị Huỳnh Nh, An Thúy A, Trương Văn H phạm tội “đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Sơn Thị S từ 30.000.000đồng đến 40.000.000đồng

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bé Ch từ 30.000.000đồng đến 40.000.000đồng

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái Ph từ 30.000.000đồng đến 40.000.000đồng

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Ph từ 30.000.000đồng đến 40.000.000đồng

Xử phạt bị cáo Đồng Thị N từ 30.000.000đồng đến 40.000.000đồng

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc A từ 30.000.000đồng đến 40.000.000đồng

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ Ph từ 30.000.000đồng đến 40.000.000đồng

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ Th từ 40.000.000đồng đến 50.000.000đồng

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Huỳnh Nh từ 40.000.000đồng đến 50.000.000đồng

Xử phạt bị cáo Lương Thị H từ 40.000.000đồng đến 50.000.000đồng

Xử phạt bị cáo Lê Thị L từ 40.000.000đồng đến 50.000.000đồng

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65, Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Kim Thị Th từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo An Thúy A từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Văn H từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đào Thanh Nh từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, Vị kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Riêng đối với bị cáo Hóa thuộc diện hộ nghèo đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Trương Văn H: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, chúng tôi thống nhất nội dung cáo trạng và đề nghị của vị Kiểm sát viên. Tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo cùng khai nhận hành vi đánh bạc của các bị cáo như nội dung cáo trạng mô tả, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu được có trong hồ sơ vụ án thể hiện như sau:

Từ 11 giờ đến khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 26/01/2021, tại khu đất trống thuộc ấp Bích Trì, xã Hòa Th, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, Cơ quan Cảnh

sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh kiểm tra, phát hiện An Thúy A, Đào Thanh Nh, Đồng Thị N, Kim Thị Th, Lê Thị L, Lương Thị H, Nguyễn Thái Ph, Nguyễn Thanh Ph, Nguyễn Thị Bé Ch, Nguyễn Thị Mỹ Ph, Nguyễn Thị Mỹ Th, Phạm Thị Huỳnh Nh, Sơn Thị S, Trần Thị Ngọc A, Trương Văn H đang đánh bài binh Ẩn độ 6 lá (bài binh) ăn thua bằng tiền với nhau do bị cáo Thanh và Như thay nhau làm nhà cái. Cụ thể Trần Thị Ngọc A đem theo 170.000 đồng, Kim Thị Th đem theo 450.000 đồng, Sơn Thị S đem theo 100.000 đồng, Nguyễn Thị Mỹ Ph đem theo 1.870.000 đồng, Nguyễn Thị Mỹ Th đem theo 350.000 đồng, Đào Thanh Nh đem theo 150.000 đồng, An Thúy A đem theo 200.000 đồng, Trương Văn H đem theo 220.000 đồng và các bị cáo sử dụng hết số tiền đem theo để đánh bạc; Nguyễn Thái Ph đem theo khoảng 6.000.000 đồng, sử dụng đánh bạc số tiền 300.000 đồng; Nguyễn Thanh Ph đem theo 4.400.000 đồng, sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc; Đồng Thị N đem theo 190.000 đồng, sử dụng 100.000 đồng đánh bạc; Lương Thị H đem theo 2.400.000 đồng, sử dụng đánh bạc 400.000 đồng; Nguyễn Thị Bé Ch đem theo 8.130.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc; Lê Thị L đem theo khoảng 400.000 đồng – 500.000 đồng, sử dụng 50.000 đồng để đánh bạc; Phạm Thị Huỳnh Nh đem theo 2.100.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền dùng vào mục đích đánh bạc của các bị cáo là 8.060.000 đồng.

Khi thực hiện hành vi đánh bạc các bị cáo đã thành niên có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo biết đánh bạc ăn thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn thực hiện. Như vậy hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật hình sự bảo vệ với lỗi cố ý trực tiếp.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định và hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền của người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Từ phân tích trên đủ cơ sở kết luận hành vi đánh bạc của các bị cáo An Thúy A, Đào Thanh Nh, Đồng Thị N, Kim Thị Th, Lê Thị L, Lương Thị H, Nguyễn Thái Ph, Nguyễn Thanh Ph, Nguyễn Thị Bé Ch, Nguyễn Thị Mỹ Ph,

Nguyễn Thị Mỹ Th, Phạm Thị Huỳnh Nh, Sơn Thị S, Trần Thị Ngọc A, Trương Văn H phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như kết luận của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo An Thúy A, Đào Thanh Nh, Đồng Thị N, Kim Thị Th, Lê Thị L, Lương Thị H, Nguyễn Thái Ph, Nguyễn Thanh Ph, Nguyễn Thị Bé Ch, Nguyễn Thị Mỹ Ph, Nguyễn Thị Mỹ Th, Phạm Thị Huỳnh Nh, Sơn Thị S, Trần Thị Ngọc A, Trương Văn H là nguy hiểm cho xã hội. Đánh bạc ăn thua bằng tiền là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội khác, làm ảnh hưởng an ninh, trật tự địa phương. Do đó để giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho xã hội, vừa răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội, vừa phục vụ tốt tình hình đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay, cần phải xem xét cho các bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo cũng cần xem xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tính nguy hiểm hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau: Sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo An Thúy A, Đồng Thị N, Kim Thị Th, Lê Thị L, Lương Thị H, Nguyễn Thái Ph, Nguyễn Thanh Ph, Nguyễn Thị Bé Ch, Nguyễn Thị Mỹ Ph, Nguyễn Thị Mỹ Th, Phạm Thị Huỳnh Nh, Sơn Thị S, Trần Thị Ngọc A phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Trương Văn H và Đào Thanh Nh sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đối với bị cáo Đào Thanh Nh có nhiều tiền án về tội đánh bạc thuộc chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội là tái phạm nên thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nhã theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Trương Văn H có người thân là ông Trương Văn L tham gia cách mạng được Đảng và Nhà nước ghi nhận tặng Huân chương chiến công hạng ba, bị cáo là lao động chính và thuộc diện hộ nghèo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Các bị cáo Trương Văn H, Kim Thị Th, An Thúy A từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Hội đồng xét xử thấy rằng hình phạt tiền không đủ răn đe đối với các bị cáo.

Ngoài ra, bị cáo Trần Thị Ngọc A tuy nhân thân bị cáo không tốt nhưng trong vụ án này vai trò bị cáo không đáng kể, cụ thể là bị cáo chỉ tham gia ké tụ với số tiền tham gia là 170.000 đồng, đối với hai quyết định xử phạt hành chính của bị cáo là thuộc lĩnh vực hàng cấm và bị cáo đã nộp phạt xong ngay sau khi có quyết định xử phạt.

Từ những tình tiết trên Hội đồng xét xử xét thấy không cần phạt tù đối với các bị cáo Đồng Thị N, Lê Thị L, Lương Thị H, Nguyễn Thái Ph, Nguyễn Thanh Ph, Nguyễn Thị Bé Ch, Nguyễn Thị Mỹ Ph, Nguyễn Thị Mỹ Th, Phạm Thị Huỳnh Nh, Sơn Thị S, Trần Thị Ngọc A, mà phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ tính nghiêm minh của pháp luật và thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà Nước.

Đối với các bị cáo Trương Văn H, An Thúy A, Kim Thị Th là người đã bị xử phạt vi phạm hành chính thời gian gần nhất là bị cáo Kim Thị Th ngày 29/9/2017, còn lại của bị cáo An Thúy A và Trương Văn H vào năm 2016, đối chiếu với quy định tại Điều 7, Điều 74 Luật xử lý vi phạm hành chính thì các bị cáo Trương Văn H, An Thúy A và Kim Thị Th được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và tính đến ngày phạm tội lần này ngày 26/01/2021 đã quá 06 tháng, xét về tính chất, mức độ của tội phạm mới được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo An Thúy A, Kim Thị Th có nơi cư trú rõ ràng và có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo Hóa có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự. Xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, các bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Đối với bị cáo Đào Thanh Nh có nhiều tiền án về tội đánh bạc thuộc trường hợp tái phạm chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội là tái phạm. Rõ ràng hành vi chấp hành pháp luật của bị cáo không cao, xem thường pháp luật, nếu không phạt tù bị cáo khó có thể cải tạo, giáo dục. Do đó cần phải xử phạt tù đối với bị cáo Đào Thanh Nh mới đủ cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho xã hội, đảm bảo trật tự xã hội tại địa phương.

[3] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy:

02 bộ bài tây 52 lá (01 bộ chưa qua sử dụng, 01 bộ đã sử dụng).

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc thực tế đã thu được là 5.774.000đồng từ số tiền đã thu được là 22.749.000 đồng.

- Buộc các bị cáo có tên dưới đây nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền dùng để đánh bạc cụ thể như sau:

Đào Thanh Nh nộp 150.000đồng.

An Thúy A nộp 150.000đồng.

Trương Văn H nộp 96.000đồng.

Phạm Thị Huỳnh Nh nộp 300.000đồng

- Giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành tiếp tục quản lý số tiền các bị cáo sau đây để đảm bảo thi hành án:

Lương Thị H: 2.000.000 đồng.

Nguyễn Thái Ph: 5.525.000 đồng.

Nguyễn Thanh Ph: 1.400.000 đồng.

Đông Thị N: 50.000 đồng.

Nguyễn Thị Mỹ Ph: 70.000 đồng.

Nguyễn Thị Bé Ch: 7.930.000 đồng.

- Trả lại cho các bị cáo có tên dưới đây các tài sản như sau:

Nguyễn Thái Ph: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh.

Nguyễn Thị Mỹ Th: 01 điện thoại di động hiệu Sam sung, cảm ứng.

Nguyễn Thanh Ph: 01 điện thoại di động hiệu OPPO.

Kim Thị Th: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu trắng.

Trương Văn H: 01 điện thoại di động hiệu Nokia.

Đông Thị N: 01 điện thoại di động hiệu Sam sung, cảm ứng.

Trần Thị Ngọc A: 01 điện thoại di động hiệu Nokia.

Nguyễn Thị Mỹ Ph: 01 điện thoại di động hiệu Nokia.

Nguyễn Thị Bé Ch: 01 điện thoại di động hiệu Coolpad.

Các đối tượng có mặt tại điểm đánh bạc ăn thua bằng tiền nhưng không tham gia chơi gồm Phạm Văn L, Nguyễn Minh Tân, Đoàn Thị Ngọc Ng, Nguyễn Hữu L, Võ Ngọc Nh Kim Thanh T, Thạch Sa L nên không xử lý.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát có phần phù hợp quy định pháp luật và nhận định trên của Hội đồng xét xử, tuy nhiên mức hình phạt tiền đối với các bị cáo trên còn nghiêm khắc, nên được chấp nhận một phần.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Trương Văn H phù hợp quy định pháp luật và nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Các bị cáo An Thúy A, Đào Thanh Nh, Đồng Thị N, Kim Thị Th, Lê Thị L, Lương Thị H, Nguyễn Thái Ph, Nguyễn Thanh Ph, Nguyễn Thị Bé Ch, Nguyễn Thị Mỹ Ph, Nguyễn Thị Mỹ Th, Phạm Thị Huỳnh Nh, Sơn Thị S, Trần Thị Ngọc A, Trương Văn H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo An Thúy A, Đào Thanh Nh, Đồng Thị N, Kim Thị Th, Lê Thị L, Lương Thị H, Nguyễn Thái Ph, Nguyễn Thanh Ph, Nguyễn Thị Bé Ch, Nguyễn Thị Mỹ Ph, Nguyễn Thị Mỹ Th, Phạm Thị Huỳnh Nh, Sơn Thị S, Trần Thị Ngọc A, Trương Văn H phạm tội “*Đánh bạc*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đồng Thị N 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Lê Thị L 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Lương Thị H 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái Ph 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Ph 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bé Ch 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ Ph 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ Th 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Huỳnh Nh 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Sơn Thị S 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc A 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

1/ Xử phạt bị cáo An Thúy A 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo An Thúy A cho Ủy ban nhân dân xã Hòa Th, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo An Thúy A thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

2/ Xử phạt bị cáo Kim Thị Th từ 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Kim Thị Th cho Ủy ban nhân dân xã Hòa Th, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Kim Thị Th thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Văn H từ 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trương Văn H cho Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Trương Văn H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đào Thanh Nh 01 (một) năm tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

- Tịch thu tiêu hủy:

02 bộ bài tây 52 lá (01 bộ chưa qua sử dụng, 01 bộ đã sử dụng).

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc thực tế đã thu được là 5.774.000đồng từ số tiền đã thu được là 22.749.000 đồng.

- Buộc các bị cáo có tên dưới đây nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền dùng để đánh bạc cụ thể như sau:

Đào Thanh Nh nộp 150.000đồng.

An Thúy A nộp 150.000đồng.

Trương Văn H nộp 96.000đồng.

Phạm Thị Huỳnh Nh nộp 300.000đồng

- Giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành tiếp tục quản lý số tiền các bị cáo sau đây để đảm bảo thi hành án:

Lương Thị H: 2.000.000 đồng.

Nguyễn Thái Ph: 5.525.000 đồng.

Nguyễn Thanh Ph: 1.400.000 đồng.

Đông Thị N: 50.000 đồng.

Nguyễn Thị Mỹ Ph: 70.000 đồng.

Nguyễn Thị Bé Ch: 7.930.000 đồng.

- Trả lại cho các bị cáo có tên dưới đây các tài sản như sau:

Nguyễn Thái Ph: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh.

Nguyễn Thị Mỹ Th: 01 điện thoại di động hiệu Sam sung, cảm ứng.

Nguyễn Thanh Ph: 01 điện thoại di động hiệu OPPO.

Kim Thị Th: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu trắng.

Trương Văn H: 01 điện thoại di động hiệu Nokia.

Đông Thị N: 01 điện thoại di động hiệu Sam sung, cảm ứng.

Trần Thị Ngọc A: 01 điện thoại di động hiệu Nokia.

Nguyễn Thị Mỹ Ph: 01 điện thoại di động hiệu Nokia.

Nguyễn Thị Bé Ch: 01 điện thoại di động hiệu Coolpad.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo An Thúy A, Đào Thanh Nh, Đông Thị N, Kim Thị Th, Lê Thị L, Lương Thị H, Nguyễn Thái Ph, Nguyễn Thanh Ph, Nguyễn Thị Bé Ch, Nguyễn Thị Mỹ Ph, Nguyễn Thị Mỹ Th, Phạm Thị Huỳnh Nh, Sơn Thị S, Trần Thị Ngọc A, Trương Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại phúc thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Triệu – Trần Thị Sang

Nguyễn Phú Hiệp